

Bản án số: **289/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-6-2025

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Kim Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Quận B - Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận B - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 534/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 525/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc P, sinh năm 1995;

Địa chỉ: S108 T3, KP.B1, Phường M, Quận B, TP. H

Bị đơn: Ông Trần Văn P1, sinh năm 1993;

Địa chỉ: S108 T3, KP.B1, Phường M, Quận B, TP. H.

(Bà P và ông P1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết

vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc P trình bày:

Bà và ông Trần Văn P1 chung sống với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố H. Sau khi kết hôn, bà và ông P1 cư ngụ tại địa chỉ S108 T3, KP.B1, Phường M, Quận B, TP. H. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong hôn nhân, không hòa giải được. Bà P và ông P1 đã sống ly thân từ đầu năm 2024. Bà P đề nghị Tòa án nhân dân Quận B, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn P1 vì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Bà và ông P1 có 02 (hai) con chung là Trần Hạo T sinh ngày 27/6/2014 và Trần Hạo T1 sinh ngày 18/7/2016. Bà P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông P1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P xác nhận không có.

Về nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Bà P xác nhận không có.

Bị đơn ông Trần Văn P1 vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông Trần Văn P1 không có văn bản gửi đến Tòa án nên trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn P1. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận B thì ông Trần Văn P1 có hộ khẩu thường trú tại S108 T3, KP.B1, Phường M,

Quận B, TP. H thực tế có cư trú tại địa chỉ S108 T3, KP.B1, Phường M, Quận B. Bị đơn đang thực tế cư trú tại địa chỉ tại S108 T3, KP.B1, Phường M, Quận B, TP. H nên đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Trần Văn P1 đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn liên tục vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi. Nguyên đơn, bà Lê Thị Ngọc P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông Trần Văn P1 không đến Tòa án tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án, ông P1 đã từ chối quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc P và ông Trần Văn P1 chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố H cấp ngày 25/9/2013*) nên hôn nhân giữa Bà P và ông P1 là hôn nhân hợp pháp.

Bà P xác nhận bà và ông P1 sống chung đến năm 2024, trong quá trình chung sống vợ chồng bà có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong hôn nhân, không hòa giải được. Nay, bà Lê Thị Ngọc P đề nghị Tòa án nhân dân Quận B giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn P1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông P1 đến Tòa để tham dự phiên hòa giải nhưng ông P1 vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở xem xét yêu cầu của Bà P, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi Bà P và ông P1 đang sinh sống. Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B cho thấy:

“Địa phương không nắm được thông tin gì về tình trạng hôn nhân của bà Lê Thị Ngọc P và ông Trần Văn P1”. Kết quả trả lời xác minh là phù hợp với lời khai của Bà P. Trong khoảng thời gian chung sống, ông bà xảy ra mâu thuẫn, xung đột nhưng không trình báo với chính quyền địa phương, can thiệp, hòa giải.

Xét thấy, hôn nhân giữa Bà P và ông P1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà P yêu cầu được ly hôn với ông P1 là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Bà P và ông P1 có 02 (hai) con chung là Trần Hạo T sinh ngày 27/6/2014 (*Giấy khai sinh số 78, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố H cấp ngày 04/7/2014*) và Trần Hạo T1 sinh ngày 18/7/2016 (*Giấy khai sinh số 123 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố H cấp ngày 06/9/2016*); trẻ Hạo T, trẻ Hạo T1 có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Xét thấy, hiện nay trẻ Trần Hạo T, trẻ Trần Hạo T1 đang ở với bà P, việc bà P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông P1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà P xác nhận không có tài sản chung. Ông Trần Văn P1 vắng mặt không có lời khai tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Ngọc P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc P được ly hôn với ông Trần Văn P1.

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc P và ông Trần Văn P1 có 02 (hai) người con chung tên Trần Hạo T, sinh ngày 27/6/2014, Trần Hạo T1, sinh ngày 18/7/2016. Giao trẻ Trần Hạo T và Trần Hạo T1 cho Bà P trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà P không yêu cầu ông P1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông P1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông P1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Ngọc P xác nhận không có tài sản chung.

1.4 Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Lê Thị Ngọc P xác nhận không có. Ông Trần Văn P1 vắng mặt không có lời khai tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số BLTU/23P/0006856 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Bà P đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Ngọc P và ông Trần Văn P1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận B;
- Chi cục Thi hành án Quận B;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Quỳnh